

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định mức khoán kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội
ở phường, xã, dưới phường, xã và mức khoán kinh phí
hoạt động tổ dân phố, thôn**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định mức khoán kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội ở phường, xã, dưới phường, xã và mức khoán kinh phí hoạt động tổ dân phố, thôn; Báo cáo thẩm tra số 179/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức khoán kinh phí hoạt động tối thiểu các tổ chức chính trị - xã hội ở phường, xã; dưới phường, xã và mức khoán kinh phí hoạt động tổ dân phố, thôn. Cụ thể như sau:

1. Tổ chức chính trị - xã hội phường, xã

ĐVT: Đồng/tổ chức/năm

STT	Tổ chức	Kinh phí	Nội dung chi
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	56.000.000	Kinh phí khoán bao gồm: Kinh phí hoạt động; hoạt động Ban Thanh tra nhân dân; hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng.
2	Hội Liên hiệp Phụ nữ	42.000.000	Kinh phí hoạt động.
3	Hội Cựu Chiến binh	42.000.000	Kinh phí hoạt động.
4	Hội Nông dân	42.000.000	Kinh phí hoạt động.
5	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	42.000.000	Kinh phí hoạt động.

2. Tổ dân phố, thôn và các tổ chức chính trị - xã hội dưới phường, xã

ĐVT: Đồng/tổ chức/năm

STT	Tổ chức	Kinh phí	Nội dung chi
I	Đối với phường		
1	Chi bộ khu dân cư		
-	Dưới 150 hộ gia đình	1.500.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 150 hộ gia đình đến dưới 300 hộ gia đình	2.300.000	
-	Từ 300 hộ gia đình trở lên	2.700.000	
2	Tổ dân phố		
-	Dưới 150 hộ gia đình	1.500.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 150 hộ gia đình đến dưới 300 hộ gia đình	2.300.000	
-	Từ 300 hộ gia đình trở lên	2.700.000	

STT	Tổ chức	Kinh phí	Nội dung chi
3	Ban Công tác Mặt trận khu dân cư		
-	Dưới 150 hộ gia đình	3.000.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 150 hộ gia đình đến dưới 300 hộ gia đình	4.500.000	
-	Từ 300 hộ gia đình trở lên	7.500.000	
4	Các tổ chức chính trị - xã hội ở khu dân cư (Chi hội: Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân và Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh)		
-	Dưới 150 hộ gia đình	1.500.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 150 hộ gia đình đến dưới 300 hộ gia đình	2.300.000	
-	Từ 300 hộ gia đình trở lên	2.700.000	
II	Đối với xã		
1	Chi bộ thôn		
-	Dưới 250 hộ gia đình	2.500.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 250 hộ gia đình đến dưới 350 hộ gia đình	3.000.000	
-	Từ 350 hộ gia đình trở lên	3.500.000	
2	Thôn		
-	Dưới 250 hộ gia đình	4.500.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 250 hộ gia đình đến dưới 350 hộ gia đình	6.000.000	
-	Từ 350 hộ gia đình đến dưới 500 hộ gia đình	7.500.000	
-	Từ 500 hộ gia đình đến dưới 600 hộ gia đình	9.000.000	
-	Từ 600 hộ gia đình đến dưới 700 hộ gia đình	10.500.000	
-	Từ 700 hộ gia đình trở lên	12.000.000	
3	Ban công tác Mặt trận thôn		

STT	Tổ chức	Kinh phí	Nội dung chi
-	Dưới 250 hộ gia đình	4.500.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 250 hộ gia đình đến dưới 350 hộ gia đình	6.000.000	
-	Từ 350 hộ gia đình đến dưới 500 hộ gia đình	7.500.000	
-	Từ 500 hộ gia đình đến dưới 600 hộ gia đình	9.000.000	
-	Từ 600 hộ gia đình đến dưới 700 hộ gia đình	10.500.000	
-	Từ 700 hộ gia đình trở lên	12.000.000	
4	Các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn (Chi hội: Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân và Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh)		
-	Dưới 250 hộ gia đình	3.000.000	Kinh phí hoạt động.
-	Từ 250 hộ gia đình đến dưới 350 hộ gia đình	3.500.000	
-	Từ 350 hộ gia đình trở lên	4.200.000	

3. Đối với huyện Hoà Vang và các xã thuộc huyện Hoà Vang, tùy theo khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực hiện nhiệm vụ của địa phương để quyết định, phân bổ mức chi phù hợp và đảm bảo không thấp hơn mức chi theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

4. Các địa phương là đơn vị dự toán ngân sách, tùy theo khả năng cân đối ngân sách thành phố và tình hình thực hiện nhiệm vụ của địa phương để quyết định, phân bổ mức chi phù hợp và đảm bảo không thấp hơn mức chi theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua và thay thế cho Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 và Nghị quyết số 155/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 7 ngày 14 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH
Lương Nguyễn Minh Triết